

Số: 40/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang
giai đoạn 2011 - 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 145/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

1.1- Quy hoạch bảo vệ và phát triển lâm nghiệp tỉnh phải đáp ứng được mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông nghiệp hàng hóa; phù

*Plu - FC
chủ yếu (Uai)
Lamphi
g*

hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp của Quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch sử dụng đất đai và các quy hoạch chuyên ngành của tỉnh đã được phê duyệt.

1.2- Phát triển đồng bộ cả 3 loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) theo hướng phát triển đa mục tiêu, hiệu quả, bền vững và hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế rừng với bảo vệ môi trường sinh thái trên cơ sở quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ là rừng tự nhiên; sử dụng hạn chế rừng trồng phòng hộ.

1.3- Đổi mới thực hiện quy hoạch đối với rừng sản xuất theo hướng mở cả về tư duy phát triển kinh tế lâm nghiệp, cơ chế chính sách, hình thức tổ chức sản xuất, khoa học công nghệ và huy động nguồn lực để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng, đáp ứng nhu cầu công nghiệp chế biến gỗ.

1.4- Khuyến khích dồn đổi, tích tụ đất lâm nghiệp, hình thành vùng sản xuất tập trung lớn. Huy động các nguồn lực xã hội, mọi thành phần kinh tế đầu tư, trong đó phát huy vai trò của các thành phần kinh tế tư nhân và nông dân tham gia đầu tư phát triển.

2. Mục tiêu

2.1- Bảo vệ và phát triển rừng

- Thiết lập hệ thống quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất lâm nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các vùng nguyên liệu thâm canh tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá, đảm bảo cung cấp nguyên liệu ổn định cho sản xuất tiêu thụ công nghiệp, đồ mộc, gỗ xây dựng trong tỉnh;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, đồng thời áp dụng các giải pháp lâm sinh hữu hiệu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng, rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao giá trị thu nhập trên đất sản xuất lâm nghiệp.

- Nâng cao năng suất rừng trồng kinh tế từ 85 m³/ha lên trên 120 m³/ha vào cuối kỳ quy hoạch; chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn có giá trị kinh tế cao; hình thành và phát triển vùng trồng cây gỗ lớn, trồng cây đặc sản, cây dược liệu.

2.2- Về kinh tế

Giai đoạn 2016 - 2020 và 2021 - 2025 tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành lâm nghiệp bình quân trên 4%/năm.

2.3- Về môi trường

Tỷ lệ độ che phủ của rừng đến năm 2025 đạt trên 64,8%. Nâng độ che phủ hữu hiệu thông qua nâng cao chất lượng rừng, làm tốt công tác bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, kết hợp với trồng rừng, đảm bảo khả năng bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế được lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, bảo vệ được các công trình kết cấu hạ tầng ở vùng núi và vùng trũng, hạn chế thiên tai, giảm thiểu khí phát thải và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.4- Về xã hội

- Thu hút khoảng trên 90.000 lao động liên tục tham gia sản xuất lâm nghiệp, góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người làm nghề rừng.
- Thông qua các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, tạo môi trường đào tạo và chuyển giao công nghệ cho người dân làm nghề rừng.
- Nâng cao nhận thức hiểu biết về pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, về thị trường kinh doanh và môi trường sinh thái bền vững.

2.5- An ninh quốc phòng

Bảo vệ và phát triển rừng trên các diện tích quy hoạch cho các khu vực an ninh, quốc phòng; đảm bảo khả năng về nguy trang cho các kho tàng, thao trường huấn luyện và các công trình quân sự phục vụ các mục đích an ninh, quốc phòng của tỉnh và quốc gia.

3. Nhiệm vụ quy hoạch

3.1- Nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020

- Bảo vệ tốt diện tích rừng: 1.704.321 lượt ha;
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 8.288 lượt ha;
- Trồng rừng tập trung 53.000 ha, trong đó: trồng rừng phòng hộ là 500 ha, trồng rừng sản xuất là 52.500 ha;
- Trồng cây phân tán làm đẹp cảnh quan, bảo vệ môi trường: 1.750 ha;
- Trồng cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên: 1.200 ha;
- Chăm sóc rừng (năm 2, 3, 4): 164.498 lượt ha;
- Khai thác: 49.000 ha;
- Làm giàu rừng: 6.680 ha;
- Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm sinh cần thiết đảm bảo cho việc bảo vệ và phát triển rừng;
- Duy trì quản lý rừng bền vững đã được cấp chứng chỉ FSC 15.828,53ha; cấp mới 9.000 ha (tại thành phố Tuyên Quang 100 ha; huyện Chiêm Hóa 3.100 ha; Hàm Yên 100 ha; Sơn Dương 2.600 ha; Yên Sơn: 3.100 ha);
- Nâng cấp vườn ươm: 18 vườn, tại thành phố Tuyên Quang 1 vườn, Chiêm Hóa 2 vườn, Hàm Yên 6 vườn, Sơn Dương 3 vườn, Yên Sơn 6 vườn;
- Xây dựng Trung tâm giống: 3 trung tâm, tại huyện Chiêm Hóa 1 trung tâm, Sơn Dương 1 trung tâm và Hàm Yên 1 trung tâm.

3.2- Nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025

- Bảo vệ tốt diện tích rừng: 1.741.837 lượt ha; trong đó: rừng tự nhiên: 1.138.065 lượt ha, rừng trồng 603.772 lượt ha;
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 8.288 lượt ha;
- Trồng rừng tập trung 50.000 ha, trồng trên diện tích đất rừng sản xuất;

- Trồng cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên: 300 ha;
- Chăm sóc rừng (năm 2, 3, 4): 151.651 ha;
- Khai thác: 50.000 ha.

4. Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp theo 3 loại rừng

Loại đất loại rừng	Hiện trạng năm 2015	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2025
Tổng đất lâm nghiệp	448.681,2	434.966,4	429.113,3
1. Đất rừng phòng hộ	126.731,7	121.609,2	121.609,2
2. Đất rừng đặc dụng	46.934,4	46.934,4	46.934,4
3. Đất rừng sản xuất	275.015,0	266.422,8	260.569,7

Chuyển ra ngoài đất lâm nghiệp 19.567,9 ha để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Giai đoạn 2016-2020, chuyển 13.714,8 ha; giai đoạn 2021-2025, chuyển 5.853,1 ha.

5. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

5.1- Bảo vệ rừng: 3.446.158 lượt ha, trong đó:

- Giai đoạn 2016 - 2020: 1.704.321 lượt ha;
- Giai đoạn 2021 - 2025: 1.741.837 lượt ha.

5.2- Khoanh nuôi phục hồi rừng: 8.288 lượt ha.

5.3- Trồng rừng tập trung (ha):

Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo giai đoạn	
		2016-2020	2021-2025
Tổng trồng rừng tập trung	103.000	53.000	50.000
1. Trồng rừng phòng hộ (trên đất trống)	500	500	-
2. Trồng rừng sản xuất	102.500	52.500	50.000
2.1. Trồng rừng mới	9.600	9.600	-
2.1.1. Trồng rừng gỗ nhỏ	6.100	6.100	-
2.1.2. Trồng rừng gỗ lớn	3.500	3.500	-
2.2. Trồng lại rừng sau khai thác	92.900	42.900	50.000
2.2.1. Trồng rừng gỗ nhỏ	69.650	35.400	34.250
2.2.2. Trồng rừng gỗ lớn	23.250	7.500	15.750

5.4. Trồng cây dược liệu: 1.500 ha, trong đó:

- Giai đoạn 2016 - 2020: 1.200 ha;
- Giai đoạn 2021 - 2025: 300 ha.

5.5. Khai thác gỗ rừng trồng: 9.665.000 m³ gỗ, trong đó:

- Giai đoạn 2016 - 2020: 4.165.000 m³ gỗ;
- Giai đoạn 2021 - 2025: 5.500.000 m³ gỗ.

6. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu

- Đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào cho Trường Đại học Tân Trào, Trung tâm sản xuất giống cây trồng (xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn). Hỗ trợ xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào cho Công ty cổ phần Giấy An Hòa.

- Xây dựng, nâng cấp sửa chữa 100 km đường lâm nghiệp.
- Xây dựng 86 km đường băng cản lửa.
- Duy trì và nâng cấp 18 vườn ươm hiện có, đáp ứng yêu cầu sản xuất giống chất lượng cao. Quản lý sản xuất có hiệu quả hệ thống vườn cây đầu dòng và các nguồn giống trên địa bàn tỉnh.

7. Chế biến lâm sản

- Duy trì, nâng cao hiệu quả 05 nhà máy chế biến lâm sản hiện có: Nhà máy giấy An Hòa 130.000 tấn/năm; Nhà máy chế biến gỗ của Công ty cổ phần Woodland 6.000 m³/năm; Nhà máy Giấy đế Na Hang; Nhà máy chế biến gỗ Tuyên Quang 5.000 m³/năm; Nhà máy đũa Phúc Lâm 250 triệu sản phẩm/năm.

- Đầu tư xây dựng 05 nhà máy: Nhà máy chế biến gỗ Khu công nghiệp An Thịnh, Chiêm Hóa (50.000m³/năm); Nhà máy chế biến gỗ xã Quý Quân, Yên Sơn (30.000 m³/năm); Nhà máy chế biến gỗ Na Hang (7.000m³/năm); Nhà máy chế biến gỗ Đông Dương (5.000 m³/năm); Nhà máy viên gỗ nén xã Hoàng Khai, Yên Sơn (36.000 m³/năm).

- Quản lý chặt 337 cơ sở nhỏ lẻ hiện có theo Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn: 5.792,5 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách 836,7 tỷ đồng (chiếm 14,4%); vốn tín dụng 3.469,1 tỷ (chiếm 59,9%); vốn huy động ngoài nhà nước khác 1.486,7 tỷ đồng (chiếm 25,7%).

- Giai đoạn 2016 - 2020: 3.521,5 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2021 - 2025 là 2.271,0 tỷ đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 theo quy định hiện hành.

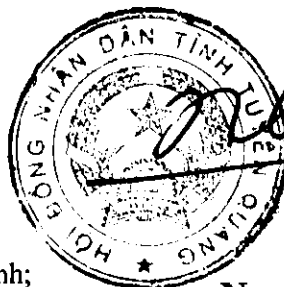
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn